diào chū

调出

verb · to transfer out; to call up (data)

Example Sentences

qǐng cóng diàn nǎo lǐ diào chū zhè fèn wén jiàn
请 从 电 脑 里 调 出 这 份 文 件。

Please call up this file from the computer.

gōng sī bǎ tā cóng xiāo shòu bù diào chū qù le yán fā bù
公 司 把 他 从 销 售 部 调 出，去 了 研 发 部。

The company transferred him out of the sales department to the R&D department.

Trace each character, then write the word on your own.

调 调 调 调 调 调 调 调 调 调 调
调 调

出 出 出 出 出 出 出 出